TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

8/8

D71.103

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (49 -)/DA21NNAA

CBGD: Thạch Trần Thị Cầm (ML10)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 08/7/2022

Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110421003	Nguyễn Trầm Hoài	Bảo	26/02/1997	Nam							
2	110421008	Nguyễn Hùng	Cường	26/12/2003	Nam	6,5	3,8	5,2	002			
3	110421009	Thạch Thị Linh	Đa	05/05/2003	Nữ			0,0	005			Vắng
4	110421035	Mai Thị Diễm	My	23/07/2003	Nữ	7,0	2,5	4,8	004			
5	110421038	Thạch Thị Đi	Na	14/02/2003	Nữ	6,0	3,5	4,8	005			
6	110421045	Thạch Thị Phương	Ngọc	17/11/2001	Nữ							
7	110421048	Võ Lê Thảo	Nguyên	09/10/2003	Nữ	6,0	3,5	4,8	007			
8	110421050	Sơn Thị Sô	Nha	06/08/2003	Nữ							
9	110421053	Lâm Thiên	Nhi	15/08/2002	Nữ	6,5	3,8	5,2	009			
10	110421056	Nguyễn Trần Huỳnh	Như	14/11/2003	Nữ	7,0	3,5	5,3	010			
11	110421057	Nguyễn Huỳnh	Như	09/12/2003	Nữ	6,5	2,5	4,5	011			
12	110421061	Nguyễn Tấn	Phát	02/10/2003	Nam		3,8	1,9	012			
13	110421066	Hồ Thị Như	Quỳnh	24/10/2003	Nữ		4,3	2,2	013			
14	110421069	Ngô Tiến	Sĩ	05/05/2003	Nam	6,5	5,0	5,8	014			
15	110421070	Thạch Thị	SuNa	31/08/2002	Nữ		3,5	1,8	015			
16	110421071	Hồ Nguyễn Huy	Tâm	30/09/2002	Nam	7,0	4,3	5,7	016			
17	110421080	Tiêu Trường	Thành	14/07/2003	Nam	6,5	3,3	4,9	017			
18	110421086	Thạch Thị Huỳnh	Thư	21/05/2003	Nữ							
19	110421088	Tiêu Nguyễn Ái	Thương	13/01/2003	Nữ							
20	110421093	Điền Thị Quế	Trân	27/12/2003	Nữ	7,0	4,0	5,5	020			
21	110421096	Lâm Nhã	Trân	14/11/2003	Nữ		3,3	1,7	021			3,3
22	110421098	Nguyễn Thị Bảo	Trang	06/09/2003	Nữ		2,8	1,4	022			
23	110421101	Thạch Thị	Tranh	16/06/2003	Nữ	6,0	4,5	5,3	023			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 26 tháng 7 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Dương Kim Hậu

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Sa

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (49 -)/DA21NNAA
CBGD: Thạch Trần Thị Cầm (ML10)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 7 / 2022
Phòng thi: D71105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110421106	Trần Lê Anh	Tuấn	02/08/2003	Nam	6,5	4,5	5,5	001			
2	110421108	Nguyễn Thụy Phượng	Uyên	17/12/2003	Nữ	7,0	4,5	5,8	002			
3	110421115	Nguyễn Cao Quốc	Việt	11/11/2003	Nam	6,0	5,0	5,5	003			
4	110421128	Tống Thị Bảo	Hân	14/10/2003	Nữ	6,0	4,0	5,0	004			
5	110421151	Phạm Đoàn Ngọc	Ánh	21/04/2003	Nữ		2,8	1,4	005			
6	110421161	Trương Gia	Mẫn	07/06/2003	Nam	6,5	4,8	5,7	006			
7	110421163	Hứa Thanh	Vân	23/09/2003	Nữ							
8	110421173	Nguyễn Trọng	Tính	12/08/2002	Nam	6,5						
9	110421188	Vương Hùng Hiếu	Nhân	23/04/2003	Nam	6,5	4,8	5,7	009			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 26 tháng 7 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Vĩnh Nghiệp

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

817

D71.104

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (49 -)/DA21NNAB
CBGD: Thạch Trần Thị Cầm (ML10)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08/7/2022
Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110421004	Nguyễn Khắc Tiểu	Bình	10/11/2003	Nữ	8,0	7,3	7,7	001			
2	110421005	Trương Bảo	Châu	21/11/2003	Nữ		3,3	1,7	002			
3	110421010	Nguyễn Lê Hải	Đăng	10/12/2003	Nam		4,5	2,3	004			
4	110421014	Phạm Cao Đình	Duy	17/11/2003	Nam				003			Vắng
5	110421015	Nguyễn Thị Thảo	Duy	18/08/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	005			
6	110421017	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	06/02/2003	Nữ	8,0	3,3	5,7	006			
7	110421018	Trần Thị Huỳnh	Giao	14/08/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	007			
8	110421019	Châu Ngọc	Hân	03/02/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	008			
9	110421024	Lý Thị Bạch	Hoa	05/09/2003	Nữ	7,0	4,0	5,5	009			
10	110421029	Nguyễn Văn	Kỳ	24/11/2000	Nam	8,0	5,3	6,7	010			
11	110421034	Lê Thị Hạ	My	04/07/2003	Nữ	8,0	3,5	5,8	011			
12	110421036	Võ Thị Diễm	My	05/11/2003	Nữ							Vắng
13	110421040	Nguyễn Ngọc	Ngân	14/04/2003	Nữ							Vắng
14	110421041	Nguyễn Thanh	Ngân	10/12/2003	Nữ							Vắng
15	110421046	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	27/12/2003	Nữ	7,0	4,0	5,5	015			
16	110421049	Trần Trung	Nguyên	24/02/2003	Nam	5,5	3,0	4,3	016			
17	110421052	Lý Thị Yến	Nhi	24/12/2003	Nữ	5,5	3,0	4,3	017			
18	110421060	Trần Thị Đà	Ni	29/01/2002	Nữ	7,5	4,3	5,9	018			
19	110421068	Thạch Qui	Sách	01/01/2001	Nam							Vắng
20	110421072	Lê Thị Như	Tâm	26/03/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	020			
21	110421082	Nguyễn Hoàn	Thiện	13/05/2003	Nam		4,8	2,4	021			
22	110421087	Trương Thị Minh	Thư	05/12/2003	Nữ		5,3	2,7	022			
23	110421099	Kiên Thị Đan	Trang	11/02/2003	Nữ							Vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 26 tháng 7 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Ánh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Ngày in : 08/06/2022 16:49

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

817
D71.105

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (49 -)/DA21NNAB
CBGD: Thạch Trần Thị Cẩm (ML10)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 08/7/2022
Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110421105	Thạch Thị Cẩm	Tú	28/08/2002	Nữ							
2	110421112	Lê Phước	Vân	07/09/2003	Nam	8,0	5,0	6,5	002			
3	110421113	Trương Hồng	Vĩ	20/06/2003	Nam	8,0	5,8	6,9	003			
4	110421121	Nguyễn Trần Bảo	Vy	27/08/2003	Nữ	8,0	5,5	6,8	004			
5	110421123	Trần Thị Hồng	Xuân	14/04/2003	Nữ	7,0	3,5	5,3	005			
6	110421153	Nguyễn Vân	Khánh	06/09/2001	Nữ	5,5	4,0	4,8	006			
7	110421168	Huỳnh Lê Kim	Yến	02/12/2003	Nữ		3,8	1,9	007			
8	110421195	Nguyễn Ngọc Triều	Vy	10/07/2003	Nữ							
9	110421225	Bùi Trọng	Nam	29/11/2003	Nam							
10	110421230	Lê Minh Tuyết	An	28/06/2003	Nữ		4,0	2,0	010			
11	110421233	Dương Hoàng	Yến	07/09/2003	Nữ	7,0	3,0	5,0	011			
12	110421266	Trần Phạm Minh	Nhật	29/07/2003	Nam	8,0	5,3	6,7	012			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 26 tháng 7 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Minh Tuyết

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

817

D11 106

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (49 -)/DA21NNAC

CBGD: Thạch Trần Thị Cầm (ML10)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 08/07/2022

Phòng thi: D11 106

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110421002	Nguyễn Công	Bằng	01/01/2003	Nam	6,5	6,8	6,7	001			
2	110421006	Hứa Minh	Châu	09/08/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	002			
3	110421020	Lưu Trần Ngọc	Hân	17/02/2003	Nữ	6,5	7,5	7,0	003			
4	110421021	Võ Thị Thúy	Hằng	27/08/2003	Nữ	6,5	7,0	6,8	004			
5	110421022	Nguyễn Anh	Hào	20/06/2003	Nam	6,5	5,8	6,2	005			
6	110421027	Ngô Gia	Huy	09/09/2003	Nam	7,5	7,0	7,3	006			
7	110421028	Đỗ Đăng	Khoa	24/11/2003	Nam	7,5	3,3	5,4	007			
8	110421030	Nguyễn Võ Yến	Linh	07/12/2003	Nữ	6,5						
9	110421031	Nguyễn Nhựt	Minh	11/02/2000	Nam							
10	110421032	Châu Quang	Minh	01/01/2003	Nam	7,5	7,5	7,5	010			
11	110421039	Nguyễn Hải	Nam	29/10/2003	Nam	7,0	4,3	5,7	011			
12	110421044	Hà Tô Thảo	Ngân	03/08/2003	Nữ	7,0	7,0	7,0	012			
13	110421063	Kim	Phene	04/08/2002	Nam	7,5	3,0	5,3	013			
14	110421064	Huỳnh Thị Như	Phúc	20/01/2003	Nữ							
15	110421065	Nguyễn Lan	Phương	13/02/2003	Nữ	8,0	2,8	5,4	015			
16	110421067	Đặng Thúy	Quỳnh	30/08/2003	Nữ							
17	110421074	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tâm	15/03/2003	Nữ	8,0	5,5	6,8	017			
18	110421075	Châu	Thanh	10/06/1991	Nam	7,5	4,0	5,8	018			
19	110421076	Nguyễn Thị	Thanh	31/07/2003	Nữ	7,0	5,5	6,3	019			
20	110421078	Võ Ngọc Yến	Thanh	20/01/2003	Nữ	6,5	5,5	6,0	~~018~~ 020			
21	110421081	Trương Hoàn	Thiện	09/04/2003	Nam		4,8	2,4	021			
22	110421083	Trương Bảo	Thọ	01/10/2002	Nam	7,5						
23	110421085	Kim Trung	Thư	20/03/2003	Nữ	7,0						

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 26 tháng 7 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Thuần

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Dành

Ngày in : 08/06/2022 16:49

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

817

D71 107

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (49 -)/DA21NNAC
CBGD: Thạch Trần Thị Cầm (ML10)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 08/7/2022
Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110421089	Lê Thị Diễm	Thúy	22/06/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	001			
2	110421102	Lê Tiến	Triển	10/12/2003	Nam	8,0	6,8	7,4	002			
3	110421103	Nguyễn Hiền	Trúc	06/07/2003	Nữ	6,5	5,8	6,2	003			
4	110421111	Đỗ Thị Thúy	Vân	12/01/2003	Nữ	7,0	6,0	6,5	004			
5	110421114	Trần Thiên	Vĩ	23/06/2002	Nam	7,0	4,8	5,9	005			
6	110421122	Kim Thị Vinh	Xuân	03/04/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
7	110421134	Đỗ Quốc	Huy	02/08/2003	Nam	6,5	3,0	4,8	007			
8	110421145	Đặng Thành	Bích	03/11/2003	Nam	7,5	—	—	—	—		
9	110421207	Nguyễn Hà Kiều	Phong	25/06/2003	Nam	6,5	5,0	5,8	009			
10	110421210	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/11/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
11	110421231	Trương Thị Thùy	An	12/02/2003	Nữ	7,0	8,0	7,5	011			
12	110421235	Trương Hồ Hà	Vy	14/01/2003	Nữ	—	—	—	—	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 26 tháng 7 năm 2022

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Ca

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 9 tháng 7 năm 20*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21NNAC phòng D71.107, buổi Tối ngày 08/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	110421089	Lê Thị Diễm Thúy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_001	DA21NNAC	18	4.5	
2	110421102	Lê Tiến Triển	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_002	DA21NNAC	27	6.75	
3	110421103	Nguyễn Hiền Trúc	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_003	DA21NNAC	23	5.75	
4	110421111	Đỗ Thị Thúy Vân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_004	DA21NNAC	24	6	
5	110421114	Trần Thiên Vĩ	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_005	DA21NNAC	19	4.75	
6	110421122	Kim Thị Vinh Xuân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_006	DA21NNAC	0	0	
7	110421134	Đỗ Quốc Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_007	DA21NNAC	12	3	
8	110421145	Đặng Thành Bích	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_008	DA21NNAC	0	0	
9	110421207	Nguyễn Hà Kiều Phong	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_009	DA21NNAC	20	5	
10	110421210	Nguyễn Thị Thùy Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_010	DA21NNAC	0	0	
11	110421231	Trương Thị Thùy An	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_011	DA21NNAC	32	8	
12	110421235	Trương Hồ Hà Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.107-T080722_012	DA21NNAC	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 9 tháng 7 năm 20*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21NNAA phòng D71.103, buổi Tối ngày 08/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	110421003	Nguyễn Trầm Hoài Bảo	1997	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_001	DA21NNAA	0	0	
2	110421008	Nguyễn Hùng Cường	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_002	DA21NNAA	15	3.75	
3	110421009	Thạch Thị Linh Đa	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_003	DA21NNAA	0	0	
4	110421035	Mai Thị Diễm My	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_004	DA21NNAA	10	2.5	
5	110421038	Thạch Thị Đi Na	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_005	DA21NNAA	14	3.5	
6	110421045	Thạch Thị Phương Ngọc	2001	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_006	DA21NNAA	0	0	
7	110421048	Võ Lê Thảo Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_007	DA21NNAA	14	3.5	
8	110421050	Sơn Thị Sô Nha	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_008	DA21NNAA	0	0	
9	110421053	Lâm Thiên Nhi	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_009	DA21NNAA	15	3.75	
10	110421056	Nguyễn Trần Huỳnh Như	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_010	DA21NNAA	14	3.5	
11	110421057	Nguyễn Huỳnh Như	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_011	DA21NNAA	10	2.5	
12	110421061	Nguyễn Tấn Phát	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_012	DA21NNAA	15	3.75	
13	110421066	Hồ Thị Như Quỳnh	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_013	DA21NNAA	17	4.25	
14	110421069	Ngô Tiến Sĩ	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_014	DA21NNAA	20	5	
15	110421070	Thạch Thị SuNa	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_015	DA21NNAA	14	3.5	
16	110421071	Hồ Nguyễn Huy Tâm	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_016	DA21NNAA	17	4.25	
17	110421080	Tiêu Trường Thành	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_017	DA21NNAA	13	3.25	
18	110421086	Thạch Thị Huỳnh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_018	DA21NNAA	0	0	
19	110421088	Tiêu Nguyễn Ái Thương	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_019	DA21NNAA	0	0	
20	110421093	Điền Thị Quế Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_020	DA21NNAA	16	4	
21	110421096	Lâm Nhã Trân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_021	DA21NNAA	13	3.25	
22	110421098	Nguyễn Thị Bảo Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_022	DA21NNAA	11	2.75	
23	110421101	Thạch Thị Tranh	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAA-D71.103-T080722_023	DA21NNAA	18	4.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 9 tháng 7 năm 20.*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21NNAB phòng D71.105, buổi Tối ngày 08/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	110421004	Nguyễn Khắc Tiểu Bình	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_010	DA21NNAB	0	0	
2	110421005	Trương Bảo Châu	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_011	DA21NNAB	0	0	
3	110421010	Nguyễn Lê Hải Đăng	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_012	DA21NNAB	0	0	
4	110421014	Phạm Cao Đình Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_013	DA21NNAB	0	0	
5	110421015	Nguyễn Thị Thảo Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_014	DA21NNAB	0	0	
6	110421017	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_015	DA21NNAB	0	0	
7	110421018	Trần Thị Huỳnh Giao	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_016	DA21NNAB	0	0	
8	110421019	Châu Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_017	DA21NNAB	0	0	
9	110421024	Lý Thị Bạch Hoa	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_018	DA21NNAB	0	0	
10	110421029	Nguyễn Văn Kỳ	2000	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_019	DA21NNAB	0	0	
11	110421034	Lê Thị Hạ My	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_020	DA21NNAB	0	0	
12	110421036	Võ Thị Diễm My	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_021	DA21NNAB	0	0	
13	110421040	Nguyễn Ngọc Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_022	DA21NNAB	0	0	
14	110421041	Nguyễn Thanh Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_023	DA21NNAB	0	0	
15	110421046	Nguyễn Thị Yến Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_024	DA21NNAB	0	0	
16	110421049	Trần Trung Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_025	DA21NNAB	0	0	
17	110421052	Lý Thị Yến Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_026	DA21NNAB	0	0	
18	110421060	Trần Thị Đà Ni	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_027	DA21NNAB	0	0	
19	110421068	Thạch Qui Sách	2001	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_028	DA21NNAB	0	0	
20	110421072	Lê Thị Như Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_029	DA21NNAB	0	0	
21	110421082	Nguyễn Hoàn Thiện	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_030	DA21NNAB	0	0	
22	110421087	Trương Thị Minh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_031	DA21NNAB	0	0	
23	110421099	Kiên Thị Đan Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_032	DA21NNAB	0	0	
24	110421106	Trần Lê Anh Tuấn	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_001	DA21NNAA	18	4.5	
25	110421108	Nguyễn Thụy Phượng Uyên	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_002	DA21NNAA	18	4.5	
26	110421115	Nguyễn Cao Quốc Việt	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_003	DA21NNAA	20	5	
27	110421128	Tống Thị Bảo Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_004	DA21NNAA	16	4	

28	110421151	Phạm Đoàn Ngọc Ánh	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_005	DA21NNAA	11	2.75	
29	110421161	Trương Gia Mẫn	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_006	DA21NNAA	19	4.75	
30	110421163	Hứa Thanh Vân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_007	DA21NNAA	0	0	
31	110421173	Nguyễn Trọng Tính	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_008	DA21NNAA	0	0	
32	110421188	Vương Hùng Hiếu Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_009	DA21NNAA	19	4.75	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 9 tháng 7 năm 20*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21NNAB phòng D71.104, buổi Tối ngày 08/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	110421004	Nguyễn Khắc Tiểu Bình	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_001	DA21NNAB	29	7.25	
2	110421005	Trương Bảo Châu	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_002	DA21NNAB	13	3.25	
3	110421010	Nguyễn Lê Hải Đăng	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_003	DA21NNAB	18	4.5	
4	110421014	Phạm Cao Đình Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_004	DA21NNAB	0	0	
5	110421015	Nguyễn Thị Thảo Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_005	DA21NNAB	14	3.5	
6	110421017	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_006	DA21NNAB	13	3.25	
7	110421018	Trần Thị Huỳnh Giao	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_007	DA21NNAB	17	4.25	
8	110421019	Châu Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_008	DA21NNAB	15	3.75	
9	110421024	Lý Thị Bạch Hoa	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_009	DA21NNAB	16	4	
10	110421029	Nguyễn Văn Kỳ	2000	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_010	DA21NNAB	21	5.25	
11	110421034	Lê Thị Hạ My	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_011	DA21NNAB	14	3.5	
12	110421036	Võ Thị Diễm My	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_012	DA21NNAB	0	0	
13	110421040	Nguyễn Ngọc Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_013	DA21NNAB	0	0	
14	110421041	Nguyễn Thanh Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_014	DA21NNAB	0	0	
15	110421046	Nguyễn Thị Yến Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_015	DA21NNAB	16	4	
16	110421049	Trần Trung Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_016	DA21NNAB	12	3	
17	110421052	Lý Thị Yến Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_017	DA21NNAB	12	3	
18	110421060	Trần Thị Đà Ni	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_018	DA21NNAB	17	4.25	
19	110421068	Thạch Qui Sách	2001	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_019	DA21NNAB	0	0	
20	110421072	Lê Thị Như Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_020	DA21NNAB	17	4.25	
21	110421082	Nguyễn Hoàn Thiện	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_021	DA21NNAB	19	4.75	
22	110421087	Trương Thị Minh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_022	DA21NNAB	21	5.25	
23	110421099	Kiên Thị Đan Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_023	DA21NNAB	0	0	
24	110421105	Thạch Thị Cẩm Tú	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_001	DA21NNAB	0	0	
25	110421112	Lê Phước Vân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_002	DA21NNAB	20	5	
26	110421113	Trường Hồng Vĩ	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_003	DA21NNAB	23	5.75	

27	110421121	Nguyễn Trần Bảo Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_004	DA21NNAB	22	5.5	
28	110421123	Trần Thị Hồng Xuân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_005	DA21NNAB	14	3.5	
29	110421153	Nguyễn Vân Khánh	2001	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_006	DA21NNAB	16	4	
30	110421168	Huỳnh Lê Kim Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_007	DA21NNAB	15	3.75	
31	110421195	Nguyễn Ngọc Triều Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_008	DA21NNAB	0	0	
32	110421225	Bùi Trọng Nam	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_009	DA21NNAB	0	0	
33	110421230	Lê Minh Tuyết An	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_010	DA21NNAB	16	4	
34	110421233	Dương Hoàng Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_011	DA21NNAB	12	3	
35	110421266	Trần Phạm Minh Nhật	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_012	DA21NNAB	21	5.25	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 9 tháng 7 năm 202*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21NNAC phòng D71.106, buổi Tối ngày 08/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi ch
1	110421002	Nguyễn Công Bằng	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_001	DA21NNAC	27	6.75	
2	110421006	Hứa Minh Châu	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_002	DA21NNAC	17	4.25	
3	110421020	Lưu Trần Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_003	DA21NNAC	30	7.5	
4	110421021	Võ Thị Thúy Hằng	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_004	DA21NNAC	28	7	
5	110421022	Nguyễn Anh Hào	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_005	DA21NNAC	23	5.75	
6	110421027	Ngô Gia Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_006	DA21NNAC	28	7	
7	110421028	Đỗ Đăng Khoa	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_007	DA21NNAC	13	3.25	
8	110421030	Nguyễn Võ Yến Linh	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_008	DA21NNAC	0	0	
9	110421031	Nguyễn Nhựt Minh	2000	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_009	DA21NNAC	0	0	
10	110421032	Châu Quang Minh	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_010	DA21NNAC	30	7.5	
11	110421039	Nguyễn Hải Nam	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_011	DA21NNAC	17	4.25	
12	110421044	Hà Tô Thảo Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_012	DA21NNAC	28	7	
13	110421063	Kim Phene	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_013	DA21NNAC	12	3	
14	110421064	Huỳnh Thị Như Phúc	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_014	DA21NNAC	0	0	
15	110421065	Nguyễn Lan Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_015	DA21NNAC	11	2.75	
16	110421067	Đặng Thúy Quỳnh	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_016	DA21NNAC	0	0	
17	110421074	Nguyễn Ngọc Mỹ Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_017	DA21NNAC	22	5.5	
18	110421075	Châu Thanh	1991	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_018	DA21NNAC	16	4	
19	110421076	Nguyễn Thị Thanh	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_019	DA21NNAC	22	5.5	
20	110421078	Võ Ngọc Yến Thanh	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_020	DA21NNAC	22	5.5	
21	110421081	Trương Hoàn Thiện	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_021	DA21NNAC	19	4.75	
22	110421083	Trương Bảo Thọ	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_022	DA21NNAC	0	0	
23	110421085	Kim Trung Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAC-D71.106-T080722_023	DA21NNAC	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

Trường Đại Học Trà Vinh
BAN COI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, *ngày 9 tháng 7 năm 20*

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21NNAB phòng D71.104, buổi Tối ngày 08/07/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	110421004	Nguyễn Khắc Tiểu Bình	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_001	DA21NNAB	29	7.25	
2	110421005	Trương Bảo Châu	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_002	DA21NNAB	13	3.25	
3	110421010	Nguyễn Lê Hải Đăng	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_003	DA21NNAB	18	4.5	
4	110421014	Phạm Cao Đình Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_004	DA21NNAB	0	0	
5	110421015	Nguyễn Thị Thảo Duy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_005	DA21NNAB	14	3.5	
6	110421017	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_006	DA21NNAB	13	3.25	
7	110421018	Trần Thị Huỳnh Giao	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_007	DA21NNAB	17	4.25	
8	110421019	Châu Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_008	DA21NNAB	15	3.75	
9	110421024	Lý Thị Bạch Hoa	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_009	DA21NNAB	16	4	
10	110421029	Nguyễn Văn Kỳ	2000	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_010	DA21NNAB	21	5.25	
11	110421034	Lê Thị Hạ My	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_011	DA21NNAB	14	3.5	
12	110421036	Võ Thị Diễm My	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_012	DA21NNAB	0	0	
13	110421040	Nguyễn Ngọc Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_013	DA21NNAB	0	0	
14	110421041	Nguyễn Thanh Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_014	DA21NNAB	0	0	
15	110421046	Nguyễn Thị Yến Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_015	DA21NNAB	16	4	
16	110421049	Trần Trung Nguyên	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_016	DA21NNAB	12	3	
17	110421052	Lý Thị Yến Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_017	DA21NNAB	12	3	
18	110421060	Trần Thị Đà Ni	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_018	DA21NNAB	17	4.25	
19	110421068	Thạch Qui Sách	2001	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_019	DA21NNAB	0	0	
20	110421072	Lê Thị Như Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_020	DA21NNAB	17	4.25	
21	110421082	Nguyễn Hoàn Thiện	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_021	DA21NNAB	19	4.75	
22	110421087	Trương Thị Minh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_022	DA21NNAB	21	5.25	
23	110421099	Kiên Thị Đan Trang	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.104-T080722_023	DA21NNAB	0	0	
24	110421105	Thạch Thị Cẩm Tú	2002	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_001	DA21NNAB	0	0	
25	110421112	Lê Phước Vân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_002	DA21NNAB	20	5	
26	110421113	Trương Hồng Vĩ	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_003	DA21NNAB	23	5.75	

27	110421121	Nguyễn Trần Bảo Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_004	DA21NNAB	22	5.5	
28	110421123	Trần Thị Hồng Xuân	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_005	DA21NNAB	14	3.5	
29	110421153	Nguyễn Vân Khánh	2001	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_006	DA21NNAB	16	4	
30	110421168	Huỳnh Lê Kim Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_007	DA21NNAB	15	3.75	
31	110421195	Nguyễn Ngọc Triều Vy	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_008	DA21NNAB	0	0	
32	110421225	Bùi Trọng Nam	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_009	DA21NNAB	0	0	
33	110421230	Lê Minh Tuyết An	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_010	DA21NNAB	16	4	
34	110421233	Dương Hoàng Yến	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_011	DA21NNAB	12	3	
35	110421266	Trần Phạm Minh Nhật	2003	LLCT-THM-L-DA21NNAB-D71.105-T080722_012	DA21NNAB	21	5.25	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1 **CÁN BỘ COI THI 2**